

Số: 03 /2018/QĐST - DS

Yên Mô, ngày 28 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Mươi

Ông Đỗ Xuân Chúc

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 235, Điều 246, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 166, Điều 170 Bộ luật dân sự. Điều 203 Luật đất đai. Khoản 7 - Điều 26, điểm đ - khoản 1 - Điều 12 - điểm đ - khoản 1 - Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 08/2018/TLST – TCDS ngày 15 tháng 6 năm 2018 về “tranh chấp quyền sử dụng đất”.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1944

Địa chỉ: Xóm 1, thôn N, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Tống Văn T, sinh năm 1953, bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1953

Đều trú tại: Xóm 2, thôn N, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tống Văn T bà Nguyễn Thị T1: Ông Lê Trọng M - sinh năm 1993; trú tại Tổ 21, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu. Theo văn bản ủy quyền ngày 10/8/2018. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Thanh S - Luật sư thuộc văn phòng luật sư T và đồng sự, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Mã Thị T2, sinh năm 1971; trú tại: Thôn T, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Mã Thị T: Bà Nguyễn Thị L (nguyên đơn trong vụ án). Theo văn bản ủy quyền ngày 9/11/2018.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Diện tích 373,73 m² đất tại thửa đất 585 tờ bản đồ số 1 xã Yên Lâm, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình đang tranh chấp, hai bên thống nhất.

- Cắt diện tích đất 36,14 m² làm ngõ đi chung cho cả hai gia đình. bà Nguyễn Thị L và ông Tống Văn T. Có kích thước:

Phía bắc giáp đất chia cho bà L, ông T 13,9m

Phía Nam giáp rãnh thoát nước của xóm KT 13,9m

Phía Đông giáp đất ngõ đi hiện tại KT 2,6m

Phía Tây giáp đất ông M KT 2,6m

- Diện tích còn lại là 337,6 m² được chia cụ thể như sau:

+. Bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng diện tích 217,2m² . Kích thước các chiều như sau:

Phía Bắc giáp đất ông N KT 9,2m

Phía Nam giáp ngõ đi chung KT 8,9m

Phía Đông giáp đất chia cho ông T KT 24m

Phía Tây giáp đất ông Miễn KT 24m

+. Ông Tống Văn T bà Nguyễn Thị T1 được sử dụng diện tích 120m². Kích thước các chiều như sau:

Phía Bắc giáp đất ông N KT 5 m

Phía Nam giáp ngõ đi chung KT 5m

Phía Đông giáp đất của ông L KT 24m

Phía Tây giáp đất bà L KT 24m.

(có sơ đồ kèm theo).

2.2. Phần ngõ hiện tại đi vào thửa đất 585 có kích thước 2,1 m x 15m; phía ngoài có hai cánh cổng sắt. Ông Tống Văn T, bà Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm tháo dỡ hai cánh cổng sắt để hai bên sử dụng ngõ đi chung.

Hai bên không được xây dựng các công trình trên diện tích đất làm ngõ đi chung.

2.3. Bà Nguyễn Thị L không phải thanh toán giá trị các tài sản trên đất cho ông Tống Văn T, bà Nguyễn Thị T. Cây cối, công trình xây dựng trên đất thuộc phần đất được chia cho bên nào sử dụng thì được tháo dỡ, thu hoạch.

2.4. Hai bên không phải thanh toán cho nhau bất kỳ khoản tiền nào, kể cả số tiền 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) ông Tống Văn T đưa cho chị Mã Thị T2 con gái bà Nguyễn Thị L vào năm 1992.

2.5. Chi phí thẩm định, định giá: Tổng số tiền chi phí cho việc định giá và thẩm định là 3.100.000đ (Ba triệu một trăm ngàn đồng); bà Nguyễn Thị L chịu toàn bộ. Ông Tống Văn T chịu tiền chi phí cho việc đo đạc cắm mốc giới là 1.700.000đ (một triệu bảy trăm ngàn đồng). Hai bên đã thanh toán xong.

2.6 .Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Tống Văn T, bà Nguyễn Thị L.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Yên Mô
- Phòng KTNV;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Lâm.
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

SƠ ĐỒ

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lãng - Bị đơn: Ông Tống Văn Tiêu



- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Yên Mô
- Phòng KTNV;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Lâm.
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoa